

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/KDTM-ST  
Ngày: 12 – 9 - 2022  
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Ngọc Tuyết và ông Lương Công Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hiển – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2022/TLST-KDTM ngày 14/02/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-KDTM ngày 05/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-KDTM ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ trụ sở chính: Đường N, phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Đường ĐL, phường P, thành phố TH, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công T – Phó phòng giao dịch S. Có mặt.

- Bị đơn: ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1970 và bà Trần Thị Xuân H, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Bà H, ông T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\*Đại diện Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:** Ngày 02/12/2020, vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị Xuân H có ký với Ngân hàng TMCP S phòng giao dịch S hợp đồng tín dụng số 202025891154 số tiền vay 900.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay mua bán cây rừng trồng (keo, bạch đàn...), phương thức thanh toán lãi được trả hàng tháng, vốn trả cuối kỳ.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng trên, vợ chồng ông T, bà H ký Giấy nhận nợ số LD2033800224 ngày 03/12/2020 để nhận nợ vay số tiền 700.000.000 đồng, ngày

đáo hạn 03/12/2021 và Giấy nhận nợ số LD2033800290 ngày 03/12/2020 để nhận nợ vay số tiền 200.000.000 đồng, ngày đáo hạn 03/12/2021.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay: vợ chồng ông T, bà H đã thế chấp tài sản nhà và đất tại thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 076774, số vào sổ cấp GCN: CS05172 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 18/10/2018 cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị Xuân H, cập nhật biến động ngày 12/10/2020 và ngày 02/11/2020 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 295/TC-2020 ngày 02/12/2020.

Từ kỳ thanh toán nợ lãi hàng tháng vào ngày 03/7/2021, vợ chồng ông T, bà H không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi vay nên khoản vay chuyển nợ quá hạn, vi phạm các điều khoản quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, thông báo thanh toán nợ quá hạn, thông báo chấm dứt Hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ quá hạn, thông báo khởi kiện nhưng ông T, bà H không thanh toán. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà H có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng cho đến khi ông T, bà H trả dứt nợ vay. Tính đến ngày 12/9/2022, ông T, bà H còn nợ Ngân hàng số nợ gốc là 900.000.000 đồng, các khoản lãi gồm có lãi trong hạn tính từ ngày 03/7/2021 đến ngày 03/12/2021 là 45.123.288 đồng, lãi quá hạn từ ngày 03/01/2022 cho đến ngày 12/9/2022 là 104.671.233 đồng, lãi phạt quá hạn đối với khoản lãi trong hạn là 4.441.193 đồng. Tổng nợ gốc và lãi tính đến ngày 12/9/2022 là 1.054.235.714 đồng.

Trường hợp ông T, bà H không trả được nợ, yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ vay là nhà và đất tại thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI076774 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 18/10/2018, cập nhật biến động ngày 12/10/2020 và ngày 02/11/2020 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 295/TC-2020 ngày 02/12/2020.

***\*Bà Trần Thị Xuân H vắng mặt, tuy nhiên tại bản khai ngày 15/7/2022, bà Hương trình bày:***

Vợ chồng bà Trần Thị Xuân H và ông Nguyễn Ngọc T có vay Ngân hàng TMCP S số tiền 900.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng, ngày giải ngân là ngày 03/12/2020. Khi vay có thế chấp tài sản là nhà và đất tại Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, nhà và đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng bà là người quản lý và sử dụng. Trên đất và nhà thì hiện nay có bà H và cháu ngoại ở.

Khi vay đến nay chỉ trả lãi được mấy tháng, chưa trả nợ gốc, số nợ đã trả bà không nhớ. Hiện nay còn nợ gốc 900.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc và lãi thì bà đồng ý trả nợ. Nếu không trả được nợ thì đồng ý để ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ. Ông T làm việc ở tỉnh Gia Lai không về nhà nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn Trần Thị Xuân H và Nguyễn Ngọc T vắng mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, các quyết định, thông báo của Tòa tại địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bị đơn theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền gốc 900.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận giữa hai bên trong Hợp đồng tín dụng. Trường hợp bị đơn không trả nợ được thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn Nguyễn Ngọc T, Trần Thị Xuân H vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Ngọc T, Trần Thị Xuân H phải trả số tiền gốc 900.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận giữa hai bên trong Hợp đồng tín dụng. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Ngọc T, Trần Thị Xuân H phải trả số nợ gốc là 900.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng tín dụng. Xét đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn T, H có địa chỉ tại thôn M, xã H, huyện T nhưng tại Điều 9 của Hợp đồng tín dụng các bên đã thống nhất thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại nơi đóng trụ sở của Ngân hàng là chi nhánh tỉnh Phú Yên – Phòng giao dịch S tại Đường ĐL, phường P, thành phố TH, tỉnh Phú Yên.

Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn cung cấp đúng địa chỉ bị đơn tại thôn M, xã H, huyện T theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên. Tại biên bản xác minh của Công an xã HP cung cấp xác định ông T, bà H có đăng ký thường trú và có mặt tại địa phương. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H không đến Tòa án làm việc, nhưng có lời khai ngày 15/7/2022 xác định ông T làm việc tại tỉnh Gia Lai không về nhà nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tòa án

triệu tập họp lệ các bên tham gia phiên tòa mở lần hai nhưng Bị đơn T, H vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và bị đơn Nguyễn Ngọc T, Trần Thị Xuân H có ký kết hợp đồng tín dụng số 202025891154 số tiền vay 900.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay mua bán cây rừng trồng (keo, bạch đàn...), phương thức thanh toán lãi được trả hàng tháng, vốn trả cuối kỳ. Căn cứ Hợp đồng tín dụng trên, vợ chồng ông T, bà H ký Giấy nhận nợ số LD2033800224 ngày 03/12/2020 để nhận nợ vay số tiền 700.000.000 đồng, ngày đáo hạn 03/12/2021 và Giấy nhận nợ số LD2033800290 ngày 03/12/2020 để nhận nợ vay số tiền 200.000.000 đồng, ngày đáo hạn 03/12/2021. Lãi suất được các bên thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng.

[4] Xét Hợp đồng tín dụng giữa các bên được lập thành văn bản, mục đích và nội dung các thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự. Lãi suất trong hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn phù hợp với quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, hợp đồng tín dụng phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ thời điểm ký kết.

[5] Ngày 03/7/2021, vợ chồng ông T, bà H không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi vay nên khoản vay chuyên nợ quá hạn từ ngày 03/7/2021. Vợ chồng ông T, bà H không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nên đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên tại điều 1.5, Mục 2 của các điều khoản chung về tín dụng đã ký kết giữa các bên. Bị đơn ông T, bà H đã được Tòa triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng, ông T không có lời trình bày ý kiến tại Tòa nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn không trả nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số nợ gốc 900.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[6] Khoản tiền lãi được tính cụ thể như sau: Lãi trong hạn tính từ ngày 03/7/2021 đến ngày 03/12/2021 là 45.123.288 đồng, lãi quá hạn từ ngày 03/01/2022 cho đến ngày xét xử 12/9/2022 là 104.671.233 đồng, lãi phạt quá hạn đối với khoản lãi trong hạn là 4.441.193 đồng. Tổng lãi tính đến ngày 12/9/2022 là 154.235.714 đồng.

Như vậy, bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn nợ gốc là 900.000.000 đồng, nợ lãi là 154.235.714 đồng. Tổng số nợ phải trả tính đến ngày 12/9/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 1.054.235.714 đồng (*Một tỷ không trăm năm mươi bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm mười bốn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong số tiền trên, bị đơn Nguyễn Ngọc T và Trần Thị Xuân H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận giữa các bên tại hợp đồng tín dụng.

[7] Về Hợp đồng thế chấp: Vợ chồng ông T, bà H đã thế chấp tài sản nhà và đất tọa lạc tại thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 076774, số vào sổ cấp GCN: CS05172 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 18/10/2018 cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị Xuân H, cập nhật biến động ngày 12/10/2020 và ngày 02/11/2020 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 295/TC-2020 ngày 02/12/2020.

[8] Xét Hợp đồng thế chấp được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 317, 318, 319 Bộ luật dân sự 2015, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Trường hợp ông T, bà H không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo nội dung Hợp đồng thế chấp tài sản số 295/TC-2020 ngày 02/12/2020 ký kết giữa hai bên.

[9] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải hoàn lại cho nguyên đơn số tiền trên.

[10] Về án phí: Bị đơn Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị Xuân H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn lại cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Các điều 117, 118, 119, 317, 318, 319, 323, 325, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 04/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S; Buộc bị đơn Nguyễn Ngọc T và Trần Thị Xuân H phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng, nợ lãi là 154.235.714 đồng. Tổng số nợ phải trả tính đến ngày 12/9/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 1.054.235.714 đồng (*Một tỷ không trăm năm mươi bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm mười bốn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong số tiền trên, bị đơn Nguyễn Ngọc T và Trần Thị Xuân H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 202025891154 ngày 02/12/2020.

Trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 295/TC-2020 ngày 02/12/2020 ký kết giữa hai bên để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn Nguyễn Ngọc T và Trần Thị Xuân H phải hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Về án phí: Bị đơn Nguyễn Ngọc T và Trần Thị Xuân H phải chịu 43.627.071 đồng (*Bốn mươi ba triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi một đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 20.391.656 đồng (Hai mươi triệu ba trăm chín mươi một nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0005069 ngày 14/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Thị Ngọc Uyên**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

